

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/KDTM-ST

Ngày: 21/9/2018

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Hải

2. Bà Ngô Thị Phương Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP.Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 26/2017/TLST-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Công ty ĐC

Địa chỉ trụ sở: Phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoàng A, chức vụ Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy P, sinh năm 1985 (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/5/2018)

Địa chỉ liên lạc: Phường T, quận P, thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Xã V, huyện T, thành phố Cần Thơ

(ông P có mặt, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày và yêu cầu tại Đơn khởi kiện ngày 27/12/2017 và lời khai của ông Nguyễn Duy P – người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình tố tụng:

Công ty ĐC chi nhánh tại TPHCM (viết tắt Công ty ĐC, gọi là bên bán hàng) và bà Nguyễn Thị L – Chủ cơ sở sản xuất gạch Đ (gọi là bên mua hàng), tọa lạc xã VT, huyện T, thành phố Cần Thơ cùng ký kết hợp đồng mua bán xi măng.

Theo đơn đặt hàng của bà Lan, ngày 30/11/2016, 05/12/2016, 06/12/2016, Công ty ĐC đã giao cho bà L nhận đủ số lượng xi măng với giá trị 23.405.000đồng mà không có thắc mắc về số lượng, chất lượng. Tuy nhiên, bà L chỉ thanh toán cho Công ty ĐC số tiền 3.810.000đồng. Sau đó, đến ngày 02/02/2018, bà L có trả thêm 1.000.000đồng nên số tiền gốc còn thiếu tính đến thời điểm hiện nay là 18.595.000đồng. Nay Công ty ĐC yêu cầu bà L phải trả nợ như sau:

Nợ gốc: 18.595.000đồng;

Tiền lãi tạm tính từ ngày 06/01/2017 (sau 30 ngày kể từ ngày nhận hàng lần sau cùng ngày 06/12/2016) đến ngày 25/12/2017 theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng Eximbank, BIDV và Agribank tạm tính 14,25%/năm, cụ thể: $19.595.000\text{đồng} \times 14,25\%/năm \times 349/360 = 2.706.000\text{đồng}$.

Tổng cộng, số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bà L phải trả là **21.301.000đồng**.

Nguyên đơn xin rút lại yêu cầu trả tiền lãi phạt do chậm thanh toán 1.567.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị L trình bày tại Biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 05/7/2018:

Ngày 02/02/2018, bà đã trả cho Công ty xi măng ĐC số tiền 1.000.000đồng nên phần nợ gốc còn lại là 18.595.000đồng. Nay qua yêu cầu của nguyên đơn, mỗi tháng bà sẽ trả 5.000.000đồng cho đến khi dứt nợ vì đang gặp khó khăn về kinh tế. Về yêu cầu tính lãi suất, bà không đồng ý trả.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh thụ lý vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” giữa nguyên đơn với bị đơn là đúng thẩm quyền; Tòa án đã thu thập chứng cứ đầy đủ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện các bước của phiên tòa sơ thẩm đúng thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán hàng hóa là xi măng và đều có mục đích lợi nhuận. Nguyên đơn cho rằng, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập họp lệ bị đơn nhiều lần để tham gia hòa giải nhưng cố tình vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án cũng đã triệu tập họp lệ bị đơn nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có người đại diện hợp pháp tham gia. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết:

[3.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định:

Ngày 25/11/2016, giữa Công ty ĐC - Chi nhánh tại TPHCM (viết tắt Công ty ĐC, Bên bán hàng) và bà Nguyễn Thị L (Bên mua hàng) ký kết hợp đồng mua bán xi măng số 04487/HĐBH/2016. Theo đó, Công ty ĐC đã giao hàng là xi măng cho bà L03 lần theo 03 Hóa đơn giá trị gia tăng, cụ thể:

Ngày 30/11/2016 giao 105 bao, thành tiền 7.750.000đồng;

Ngày 05/12/2016 giao 107 bao, thành tiền 7.905.000đồng;

Ngày 06/12/2016 giao 105 bao, thành tiền 7.750.000đồng;

Tổng cộng: **23.405.000đồng** (giá trên bao gồm 10% thuế GTGT)

Sau khi nhận hàng, bà L có thanh toán được một phần tiền hàng là 3.810.000đồng. Đến ngày 02/02/2018, bà L có trả thêm được 1.000.000đồng thì ngưng trả cho đến nay nên số tiền nợ gốc đến thời điểm này còn lại là 18.595.000đồng. Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà L cũng có lời khai thừa

nhận còn nợ Công ty ĐC số tiền gốc là 18.595.000đồng (Bút lục số 37). Như vậy, có cơ sở xác định bà L còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 18.595.000đồng.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi suất: Theo thỏa thuận về thanh toán được nêu trong Hợp đồng mua bán xi măng thì bên mua hàng phải trả tiền hàng sau 21 ngày kể từ ngày nhận hàng, nếu không thanh toán đúng thời hạn thì Bên A (bên bán hàng) được quyền tính phạt lãi suất quá hạn 01%/ngày tính trên số dư nợ quá hạn. Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng Eximbank, BIDV và Agribank tạm tính 14,25%/năm (tương đương 1,187%/tháng) là phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật thương mại. Đồng thời, tính theo mức lãi suất này sẽ có lợi cho bị đơn hơn là tính lãi suất chậm trả theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán mà các bên đã ký kết (0,1%/ngày tương đương = 3%/tháng).

[3.3] Nguyên đơn bắt đầu tính lãi từ ngày 06/01/2017 (sau 30 ngày kể từ ngày nhận hàng lần sau cùng) cũng là có lợi cho bị đơn (vì lẽ ra, bị đơn phải chịu lãi suất là sau 21 ngày kể từ ngày nhận hàng theo mỗi hóa đơn giao hàng). Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi $19.595.000\text{đồng} \times 14,25\%/năm \times 349/360 = 2.706.000\text{đồng}$ là có căn cứ nên chấp nhận.

Do đó, tổng cộng số tiền mà nguyên đơn phải trả cho bị đơn gồm nợ gốc và lãi tổng cộng là **21.301.000đồng** (18.595.000đồng+ 2.706.000đồng).

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở xem xét.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do bị đơn có trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số tiền 21. 301.000đồng nên phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “ *Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*” có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2017

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 50, 55 và Điều 306 của Luật thương mại năm 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “ *Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*” có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp mua bán.

1.1/ Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty ĐC số tiền là 21.301.000đồng (*hai mươi một triệu ba trăm lẻ một ngàn đồng*), trong đó: vốn gốc là 18.595.000đồng, tiền lãi là 2.706.000đồng.

1.2/ Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải chịu tiền lãi tính trên nợ gốc theo mức lãi suất được quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại tại thời điểm thi hành án cho đến khi thanh toán dứt nợ.

2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.567.000đồng do nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện.

3/ Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1/ Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 3.000.000đồng (ba triệu đồng).

3.2/ Hoàn trả lại cho Công ty ĐC số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai thu số: 009644, ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

4/ Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án.

Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được cấp, phát, tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÂN TÒA

Võ Bảo Anh